



liàng zǐ

量子

noun · quantum

Example Sentence

kē xué jiā zài yán jiū liàng zǐ jiū chán xiàn xiàng
科学家在研究量子纠缠现象。

Scientists are studying the phenomenon of
quantum entanglement.

Trace each character, then write the word on your own.

量	量	量	量	量	量	量	量	量	量	量
量	量	量	量							

子	子	子	子	子	子					
